

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 14
5. Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 - 23
6. Phụ lục 1: Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư so với giá trị thị trường tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015	24

\*\*\*\*\*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015124, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 31/UBCK-GPHDKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép các quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty như sau:

- Quyết định số 179/UBCK-GP ngày 24 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên 75.736.670.000 đồng.
- Quyết định số 186/UBCK-GP ngày 02 tháng 02 năm 2009 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Quyết định số 199/UBCK-GP ngày 06 tháng 3 năm 2009 về việc rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 10 năm 2013 về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

### Trụ sở chính

Địa chỉ	: Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại	: 043 5 771 733
Fax	: 043 5 771 741
Website	: <a href="http://www.csc.vn">www.csc.vn</a>
Mã số thuế	: 0102116483

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2012	30 tháng 6 năm 2015
Bà Đỗ Thị Mai Trang	Chủ tịch	6 tháng 7 năm 2015	
Ông Trương Quốc Hùng	Phó Chủ tịch thường trực	19 tháng 8 năm 2009	
Ông Phạm Phi Long	Phó Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Nguyễn Quang Trung	Üy viên	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Tạ Trung Dũng	Üy viên	12 tháng 6 năm 2014	30 tháng 6 năm 2015
Bà Ta Thị Tú Trinh	Üy viên	30 tháng 6 năm 2015	

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban	27 tháng 4 năm 2012
Ông Bùi Quang Thành	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012
Bà Trần Thị Kim Dung	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Quốc Hùng	Tổng Giám đốc	02 tháng 02 năm 2009
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 9 năm 2007

## Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Quốc Hùng (bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2009).

Ông Trương Quốc Hùng đã ủy quyền cho Bà Ngô Thị Thu Hương ký Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy ủy quyền số 01/2016/UQ-CSC ngày 02 tháng 01 năm 2016.

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Giám đốc phải thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng khi tính các chỉ tiêu của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên cũng như tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính định kèm. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thu Hương

Ngày 29 tháng 02 năm 2016



Số: 81/2016/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô, được lập ngày 29 tháng 02 năm 2016 (từ trang 06 đến trang 24 đính kèm).

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đcán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Số: 43/2016/CV-CSC  
V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu



Phan Thị Thu Hương

## I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>A - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (rếu có)	75.736.670.000		
2.	Thặng dư vốn, cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6.	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8.	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(25.233.977.069)		
9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		
13.	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	17.209.038.823		92.113.561
<b>CỘNG</b>		<b>50.502.692.931</b>	<b>17.209.038.823</b>	<b>92.113.561</b>
<b>1A. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>33.385.767.669</b>		

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. Bảng tình vốn khả dụng (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng			
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm	
<b>B - TÀI SẢN NGÂN HẠN</b>					
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>					
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>					
1.	Đầu tư ngắn hạn				
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8				
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5				
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn				
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ ủy thác</b>					
1.	Phải thu của khách hàng				
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống				
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	35.500.000			
2.	Trả trước cho người bán		6.600.000		
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn				
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống				
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày				
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán				
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống				
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày				
5.	Các khoản phải thu khác				
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống				
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày				
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				
<b>IV. Hàng tồn kho</b>					
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>					
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn				
2.	Thuế GTGT được khấu trừ				
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước				
4.	Tài sản ngắn hạn khác				
4.1	Tạm ứng				
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống				
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90				
4.2	Tài sản ngắn hạn khác	1.000.000			
<b>VI. CỘNG</b>					
		<b>43.100.000</b>			

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. Bảng tình trạng khả dụng (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>C - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
I.	Các khoản phải thu dài hạn			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II.	Tài sản cố định		28.225.105	
III.	Bất động sản đầu tư			
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1.	Đầu tư vào công ty con			
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
4.	Đầu tư dài hạn khác		363.006.050	
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V.	Tài sản dài hạn khác		2.096.284.718	
	Các chi tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		10.763.428.000	
IC.	CỘNG		<u>13.250.945.873</u>	

VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C

20.091.723.796

Người lập biểu

Phan Thị Hoài Thu

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu



Ngô Thị Thu Hương

## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

### A - RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3) = (1) * (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
1. Tiền mặt (VND)	0%	689.889.229	-
2. Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	6.914.380.000	-
3. Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			
4. Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5. Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định phiến	3%	-	-
5.1 Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, FIR và EBRD	3%	-	-
5.2 Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm; Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm; Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	4%	-	-
6. Trái phiếu doanh nghiệp			
6. Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7. Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đảo Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro
			(3) = (1) * (2)
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>921.997.360</b>
3. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	2.763.883.300	276.388.330
9. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	4.303.180.200	645.477.030
10. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	660.000	132.000
11. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12. Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			<b>-</b>
13. Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14. Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			<b>250.337</b>
15. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16. Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	500.673	250.337
<b>VII. Chứng khoán khác</b>			<b>-</b>
17. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán	80%	-	-
18. Các tài sản đầu tư khác	-	-	-
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)</b>			<b>241.150.806</b>
Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1. ACB	30%	617.059.080	185.117.724
2. VCB	30%	186.776.940	56.033.082
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>			<b>1.163.398.503</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BẢO CAO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)

### B - RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	0%	0,8%	3,2%	4,8%	Giá trị rủi ro	6%	8%	Tổng giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1. Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán								
2. Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								
3. Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								
4. Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								
5. Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								
6. Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng								
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
Thời gian quá hạn								
1. 0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán								
2. 16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán								
3. 31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán								
4. Từ 60 ngày trở đi								
Hệ số rủi ro								
1,6%								
3,2%								
4,8%								
100%								
6.228.155.366								
Giá trị rủi ro								
6.228.155.366								
Mức tăng thêm								
10%								
213.000.000								
Giá trị rủi ro								
213.000.000								
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN								
6.664.318.166								

# CONG TY CO PHAN CHỨNG KHOẢN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, Toa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)

## C - RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TỈNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	3.450.957.361
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(252.033.200)
1.	Chi phí khấu hao	1.578.912.659
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(2.028.327.263)
4.	Dự phòng phải thu khó đòi	197.381.404
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ ( $III = I - II$ )	3.702.990.561
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ ( $IV = 25\% III$ )	925.747.640
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	2.000.000.000
C.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	<u>2.000.000.000</u>
D -	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A + B + C)	<u>9.827.715.669</u>

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Phan Thị Hoài Thu

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thu Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CAO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	CHỈ TIÊU	Vốn khả dụng/Tổng giá trị rủi ro	Ghi chú
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.163.398.503	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	6.564.318.166	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	2.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro ( $4 = 1 + 2 + 3$ )	<u>9.827.716.669</u>	
5.	Vốn khả dụng	20.091.723.796	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng ( $6 = 5/4$ )	204%	

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Phan Thị Hoài Thu

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu



Ngô Thị Thu Hương

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Linh vực kinh doanh : Kinh doanh Chứng khoán
3. Tổng số công nhân viên : 7 người.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 1. Văn bản pháp lý áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được lập và trình bày theo quy định tại Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các cách thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 226/2010/TT-BTC, Thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 226/2010/TT-BTC và các văn bản khác.

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư 226/2010/TT-BTC và Thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 226/2010/TT-BTC chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Chỉ tiêu "Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật" (Chỉ tiêu g, Khoản 1, Điều 4 - vốn khả dụng,	Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng của: <ul style="list-style-type: none"><li>• Lợi nhuận lũy kế;</li><li>• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015;</li></ul>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đảo Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

	Thông tư 226/2010/TT-BTC	<ul style="list-style-type: none"><li>Số dư các khoản dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.</li></ul>
2	Chỉ tiêu “Các khoản phải thu” (Chỉ tiêu g, Khoản 1, Điều 9 - Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư 226/2010/TT-BTC)	Chỉ tiêu “Các khoản phải thu” bao gồm cả các khoản phải thu khác và các tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán và tiến hành xác định giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục này theo công thức quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC.
3	Chỉ tiêu “Tiền mặt VND” (Khoản 2 Điều 8 – Giá trị rủi ro thị trường)	Chỉ tiêu “Tiền mặt VND” bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.
4	Chỉ tiêu “Rủi ro tăng thêm” (Khoản 5, Điều 8 - Giá trị rủi ro thị trường) (Khoản 8, Điều 9 – Giá trị rủi ro thanh toán)	Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng thêm được tính bằng Giá trị rủi ro x hệ số rủi ro tăng thêm.

*Dòng tiền trên báo cáo: Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam.*

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ văn bản pháp lý

Ban Giám đốc đã đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

### 1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị vốn khả dụng và tổng giá trị rủi ro.

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

### 2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ dự phòng tài chính;

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số;

Vốn khả dụng được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là năm (05) năm của Công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên mươi (10) năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Tổng giá trị các khoản trên được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu trong thời gian 5 năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ tiếp mỗi quý 25% từ phần giá trị còn lại sau khi đã khấu trừ trong thời hạn 04 quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng được điều chỉnh giảm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư (trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc so với giá thị trường xác định theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC), không bao gồm chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên (90) ngày, kể từ ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Năm mươi phần trăm (50%) toàn bộ phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật.
- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ.
- Các tài sản ngắn hạn và dài hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày
- Các khoản ngoại trừ (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán mà chưa được trừ ra khỏi vốn khả dụng.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giám trừ khỏi vốn khả dụng tổ chức kinh doanh chứng khoán được điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc cho bên thứ ba, thì khi tính giảm trừ được giảm bớt chỉ giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó (xác định theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC), giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng, khi tính giảm trừ được giảm bớt chỉ giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị tài sản bảo đảm xác định theo quy định Thông tư số 226/2010/TT-BTC, giá trị sổ sách.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

## 3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tối thiểu có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi.

Giá trị rủi ro thị trường được tính = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường, trong đó hệ số rủi ro thị trường và giá tài sản được xác định theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

*Vị thế ròng của chứng khoán* là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đã vay phù hợp với quy định của pháp luật.

### Giá trị tài sản

- Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VNĐ là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua công lai lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

- Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

- Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom là giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

- Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mua/cỗ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/dơn vị chứng chỉ quỹ/cỗ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Các tài sản không tính Giá trị rủi ro thị trường bao gồm các loại sau:

- Cổ phiếu quỹ.
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

## *Hệ số rủi ro thị trường*

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Công ty phải điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi cho vay (đối với tiền gửi và các khoản tương đương tiền công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá) vào giá tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

## 4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tồn thắt có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

Khi kết thúc ngày giao dịch, Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật, các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh ý hợp đồng

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1 Độc Đ毁灭, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Giá trị rủi ro thanh toán cho các khoản mục trên = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán, trong đó, Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác xác định tùy thuộc vào mức độ tin nhiệm của đối tác giao dịch và Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán theo nguyên tắc quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC. Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi cho vay, và các khoản phụ phí khác (đối với các khoản tín dụng).

- Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Các khoản phải thu đã quá hạn, kể cả trái phiếu đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu của Công ty, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán; Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

**Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian** được xác định căn cứ vào khoảng thời gian quá hạn thanh toán theo nguyên tắc quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC. Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+3 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

**Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:**

- Đối với các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty: là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC
  - Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán;

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

2.	Cho vay chứng khoán	Max{(Giá trị tài sản đảm bảo của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)),0}
3.	Vay chứng khoán	Max{(Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của hợp đồng),0}
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max{(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của Hợp đồng x (1- Hết số rủi ro thị trường )),0}
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng X (1 - Hết số rủi ro thị trường)-Giá trị hợp đồng tính theo giá bán),0}
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max{(Số dư nợ - Giá trị tài sản đảm bảo),0}

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá trị thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

## ➤ Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn  
Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực hiện trước đó (nếu có).

### Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
  - Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
  - Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản X Giá tài sản X (1 - Hết số rủi ro thị trường)

Khi xác định giá trị rủi ro thanh toán, Công ty được bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 226/2010/TT-BTC;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

### Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ vốn khả dụng.

### 5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗi từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khác quan khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đường Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Phan Thị Hoài Thu



Ngô Thị Thu Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội  
**BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 1: Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kê toán	Giá trị theo giá thị trường	Giảm so với giá thị trường	Tăng so với giá thị trường
<b>1. Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>343,485</b>	<b>24,184,648,762</b>	<b>7,067,723,500</b>	<b>17,209,038,823</b>	<b>92,113,561</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	207,764	12,962,665,766	4,113,727,200	8,848,938,566	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	42,546	7,045,620,054	1,867,769,400	5,177,850,654	
Công ty CP Vận tải Vinaship (VNA)	35,000	1,936,500,000	80,500,000	1,856,000,000	
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	13,200	797,594,784	293,040,000	504,554,784	
Các nă chứng khoán khác	44,975	1,442,268,158	712,686,900	821,694,819	92,113,561
<b>2. Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>198,634</b>	<b>10,763,428,000</b>	<b>10,763,428,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty CP Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	43,153	5,000,000,000	5,000,000,000		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	99,547	4,770,098,000	4,770,098,000		
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	55,924	993,330,000	993,330,000		
<b>3. Cổ phiếu hủy niêm yết</b>	<b>12</b>	<b>500,673</b>	<b>500,673</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu CTY CP thực phẩm quốc tế IFS	8	289,244	289,244		
Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	4	211,429	211,429		
<b>Cổng</b>	<b>542,131</b>	<b>34,948,577,435</b>	<b>17,831,652,173</b>	<b>17,209,038,823</b>	<b>92,113,561</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Phan Thị Hoài Thu

Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Ngô Thị Thu Hương

